

Số TT	Họ và tên		Nữ	Toán		Vật lí	Hóa học	Ngữ văn		Ngoại ngữ		GD QP-AN	XLHL	CP	KP	ĐHK	XLHK
				15'	1T	1T	1T	1T	1T	15'	1T	15'					
1	Đào Như	An	X	7	5.8	8.3	6.5	7.8	5.3	10	6.8	8	K			50	T
2	Bùi Ngọc	Ánh		7	6.8	8	5.3	7.5	6	4	6	7	K			50	T
3	Dương Gia	Bảo		9	3.8	8	5.5	7.5	5.5	4	3.8	7	TB			49.5	T
4	Lê Huỳnh Tấn	Duy		9	5.8	8	7	7	8	5	4.3	9	TB			50	T
5	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	X	9	7	8.5	6.8	7.8	5.5	7	5.8	8	K			49.5	T
6	Trần Quốc	Khang		9	5	4	4.8	6	7	6	6.5	7	TB			50	T
7	Lê Yến	Linh	X	8	7	6.8	3.8	8.3	7.3	7	4.3	9	TB			50	T
8	Phạm Phương	Linh	X	8	8	7.3	4.5	4	5.5	6	4.3	9	TB			49	T
9	Trương Minh	Long		8	0.5	3.5	4.5	7	5	7	6.8	9	Y			50	T
10	Đặng Vĩ	Lương		8	4.5	5.5	4.3	7.5	4.3	6	7	10	TB			50	T
11	Nguyễn Thị Ngọc	Minh	X	8	3.8	6.3	7.5	7.5	5	9	7.3	9	TB			50	T
12	Nguyễn Thị Ly	Na	X	7	6.3	8.3	7	8	5.5	8	5.3	9	K	0	1	48.5	T
13	Nguyễn Bảo	Ngọc	X	9	5.5	4.8	8	7	5.8	6	5.8	8	TB			50	T
14	Nguyễn Thị Như	Ngọc	X	8	5.3	8	3.5	7	5	8	6.5	8	TB			50	T
15	Phan Thị	Ngọc	X	9	5.3	6	4.8	7.3	6.5	10	6.5	7	TB			50	T
16	Trần Phạm Bích	Ngọc	X													50	T
17	Trịnh Thị	Ngọc	X	8	4.3	3.5	3	7.8	7.5	4	5.5	7	Y			50	T
18	Hồ Cao Hoàng	Nhật		7	7	8	8.5	7.8	4.5	5	5	9	K			50	T
19	Nguyễn Hoàng	Nhật		7	6.5	8	6.3	6.5	6.3	6	5.5	8	K			50	T
20	Ngô Thị Băng	Nhi	X	8	6.3	6.5	4	8	5.3	4	4.5	7	TB			50	T
21	Nguyễn Hoàng Yến	Nhi	X	7	4.5	4.8	3.8	7.5	5.3	6	3.8	8	TB	1	0	50	T
22	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	X	8	6	4.8	5.8	7.5	4.3	5	4.5	7	TB			50	T
23	Phùng Thị	Nhung	X	9	4.8	6	4.8	7.8	5.5	8	6.8	8	TB			50	T
24	Lê Thị Quỳnh	Như	X	8	6.5	6.3	5.3	7.5	5.8	6	5	9	K			50	T
25	Nguyễn Thiên	Phước		8	7	5.8	5	6	4.5	7	6.5	8	TB			50	T
26	Đỗ Cẩm	Quyên	X	9	6.8	5	5.8	7.8	5.3	8	5.8	8	K			50	T
27	Đinh Anh	Tài		8	5.3	7.5	5.5	7	5.8	5	3.5	8	TB			50	T
28	Lê Xuân	Tấn	X	7	4.5	4	8.5	8	6.5	10	7.5	7	TB			50	T
29	Phạm Hà Quốc	Thái		10	7	6.5	5.5	7.3	4.3	10	7.3	7	K			50	T
30	Nguyễn Thị Kim	Thúy	X	7	5.3	8	5.3	7.8	5.8	6	7	8	K			50	T

31	Phạm Hoàng	Thư	X	7	5	5	4.5	7.3	6.3	9	6.3	8	TB	1	0	50	T
32	Quang Bích	Thy	X	8	5	8.8	8.8	7.8	6.5	9	3.5	7	K			50	T
33	Nguyễn Thị Bích	Trâm	X	9	4.3	3.8	5.8	7.8	6.5	7	5.5	8	TB			50	T
34	Hồ Minh	Trí		7	5	7.3	5.8	7	7.3	6	7.3	8	K			50	T
35	Trần Minh	Trí		8	4.3	4.3	3.8	5	7	9	5.3	7	TB			50	T
36	Hồ Nguyễn Thùy	Trình	X	7	6	7.3	6.5	7.8	5.8	8	5.5	8	K			50	T
37	Lê Thị Thanh	Trúc	X	9	7.3	5.5	8.5	6	5.8	7	6	8	K			50	T
38	Lê Thị Kim	Tuyển	X	8	7	8.3	7.3	7.5	5.5	8	7	8	K			50	T
39	Lương Thị Thu	Uyên	X	7	6.5	9.5	9	7.8	5.3	6	5	9	K			50	T
40	Lê Minh	Văn		10	7.3	8	9.5	6.3	3.8	7	4.8	8	K			50	T
41	Nguyễn Thị Uyên	Vi	X	7	1.8	6.5	2.5	8	5	9	7.8	8	Y			50	T
42	Phan Duy	Việt		8	4.8	5.3	4.8	8	5	4	5.5	9	TB			50	T
43	Ngô Thái Thúy	Vy	X	10	4.5	7.5	7.5	8.5	4	8	5.3	8	TB			50	T
44	Đặng Hoài	Thiện		9	6.3	5.3	3	5	6.3	4	2.8	7	Y			49	T
45	Nguyễn Thị Thùy	Linh	X	8	8.8	9	8.3	7		7	7	7				50	T

Bình Tân, ngày 21 tháng 10 năm 2016

Hiệu Trưởng

(Đã ký)

Nguyễn Thị Xuân Hương

